

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN
PHÚC THỌ, TP. HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 10/9/2019
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản
chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Phạm Thị Tú.**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Kiều Thị Ninh.**

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hải** - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXX-ST ngày 14 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Dương Thị Phòng**, sinh năm 1969; có mặt.

Địa chỉ: Cụm 1, xã HT, huyện P, Thành phố H; có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Trọng H1**, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Cụm 1, xã HT, huyện P, Thành phố H; có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. UBND xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Kim H2**; Chức vụ: Chủ tịch.

Địa chỉ: Xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Hà Nội, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.2. Ông Dương Văn Th, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Cụm 1, xã HT, huyện P, Thành phố H; có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Dương Thị Phê trình bày như sau: Bà và ông Nguyễn Trọng H1 kết hôn với nhau vào năm 1992, đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/1992 tại UBND xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, trên cơ sở tự nguyện. Sau khi

kết hôn, vợ chồng ông bà sống chung với bố mẹ ông H1 được khoảng 8 tháng thì ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng lúc đầu vui vẻ hạnh phúc, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do ông H1 th2 xuyên rượu chè, kiếm có chửi bới, xúc phạm, đánh đập bà, đánh đuổi con trai, con dâu ra khỏi nhà. Do không thể chịu đựng được mãi cuộc sống như vậy nên bà đã về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 12/2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau. Nay bà xác nhận tình cảm vợ chồng đối với ông H1 không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông H1.

Về con chung: Bà và ông H1 có 02 con chung là Nguyễn Trọng H3, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1998. Hiện cả hai cháu đã lập gia đình và sống tự lập nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Năm 1993 bà và ông H1 có mua được diện tích đất ở là 240m² của bà Nguyễn Thị Nhâm. Năm 2008 ông bà có làm được một nhà mái bằng. Đến năm 2015 thì làm bếp và công trình phụ, trong đó có một phần của công trình phụ nằm trên đất em trai bà là Dương Văn Th cho bà là 140m² từ năm 1993. Đến năm 1995, bà và ông H1 xảy ra mâu thuẫn. Ông Th đòi lại diện tích đất này, không cho nữa, nhưng bà và ông H1 có xây nhà bếp và bể nước trên diện tích đất 140m². Khoảng năm 2004 - 2005, bà có làm đơn xin ly hôn ông H1, ông Th lại đồng ý cho bà diện tích đất này. Đến nay hai diện tích đất này đã hợp thành một thửa là thửa số 242-5, tờ bản đồ số 7, tổng diện tích là 380m², hiện đất vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Từ lúc hai vợ chồng ly thân trên đất chỉ có một mình ông H1 ở. Con trai, con gái của bà và ông H1 đều đã có gia đình và không ở trên đất, không có đóng góp gì đối với đất và tài sản trên đất. Nay bà đề nghị chia diện tích đất 240m² đất là tài sản chung của hai vợ chồng cho bà, ông H1 cùng hai con là Nguyễn Trọng Hậu, Nguyễn Thị Thanh Huyền, mỗi người 60m² theo hiện vật. Đối với giá trị các tài sản trên đất bà không yêu cầu thanh toán giá trị, nếu ai được chia đất đến đâu, trên đất đó có tài sản gì thì người đó được H1, phần giá trị tài sản trên đất chia cho ông H1 nếu cao hơn bà không yêu cầu ông H1 phải thanh toán cho bà. Đối với diện tích đất 140m², bà đề nghị trả lại cho bà vì đây là đất em trai bà cho bà chứ không phải là tài sản chung của bà và ông H1.

Ngoài ra bà đề nghị chia đôi cho bà và ông H1 02 tủ gỗ, trong đó một tủ đựng tivi và một tủ thờ, 02 téc nước và 15 nghìn viên gạch chỉ.

Về nợ: Không có.

Ngoài ra bà không yêu cầu đề hay nghị gì khác.

2. Bị đơn ông Nguyễn Trọng H1 trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống và nguyên nhân mâu thuẫn như bà Phtrình bày là đúng. Sauk hi xảy ra mâu thuẫn thì đến tháng 12/2018 ông và bà Phđã sống ly thân. Nay bà Phlàm đơn xin ly hôn với ông, ý kiến của ông là nhất trí ly hôn.

Về con chung: Ông và bà Phcó hai con chung là Nguyễn Trọng H3, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1998. Hiện cả hai con đã trưởng thành, sống tự lập nên ông cũng không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông và bà Phcó mua được thửa đất số 242-5, tờ bản đồ số 7 diện tích 380m² tại cụm 1, xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Hà Nội. Trong đó có 10 thước đất tương đương 240m² đất là đất ông và bà Phmua vào năm 1992. Còn lại 140m² là đất ông mua của ông Dương Văn Th là em trai bà Phvào năm 1997, với giá 1.500.000đồng. Nguồn tiền mua đất là tiền của hai vợ chồng. Việc mua bán không có giấy tờ gì. Quá trình ở trên đất, ông bà có làm được một nhà mái bằng và công trình phụ, sân gạch, bể nước. Hiện trên đất chỉ có một mình ông đang ở. Các con của ông và bà Phlà anh Hậu và chị Huyền không ở trên đất cũng không có đóng góp công sức gì. Nay bà Phyêu cầu chia diện tích đất 240m² đất cho ông, bà cùng hai con ông không đồng ý, mà ông yêu cầu chia đôi diện tích đất 380m² cho ông và bà Phòng, mỗi người một nửa. Đối với giá trị các tài sản trên đất, ông không có yêu cầu, đề nghị gì. Nếu ai được chia đất đến đâu, trên đất có tài sản gì ông cũng không có yêu cầu gì. Đối với các tài sản còn lại là 02 tủ gỗ, 02 téc nước và 15 nghìn viên gạch, ông đề nghị chia đôi cho ông và bà Phòng; Về nợ: Không có.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Dương Văn Th trình bày:

Ông là em trai ruột của bà Dương Thị Phòng. Ông có diện tích đất 140m² tại cụm 1, xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ liền kề với diện tích đất của bà Phòng, ông H1 mua được của bà Nguyễn Thị Nhâm, ông Nguyễn Trung Nghĩa. Diện tích đất này có nguồn gốc là đất của bố ông cho ông mà có. Khoảng năm 1993, 1994 bà Phvà ông H1 xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, vì tình cảm chị em nên ông có cho bà Phđiện tích đất trên để bà Phlàm nhà ở. Hai bên không lập giấy tờ gì về việc này. Ông khẳng định ông chỉ cho bà Phchứ không cho ông H1 và đây là tài sản riêng của bà Phchứ không phải là tài sản chung của bà Phvới ông H1. Ý kiến ông đề nghị Tòa án giao diện tích 140m² đất này cho bà Phtiếp tục sử dụng.

4. Đại diện của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Hiệp Thuận trình bày:

Căn cứ hồ sơ quản lý đất đai tại địa phương, thì thửa đất số 242-5, tờ bản đồ số 7, diện tích 380m² tại cụm 1, xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Hà Nội, hiện tại người đang sử dụng là ông H1 và bà Phòng, không thể hiện trong sổ mục kê, đất hiện tại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tại thời điểm, thửa đất đã được qui hoạch là đất ở. Ông H1 và bà Phđã xây dựng công trình phụ và nhà ở trên diện tích đất nói trên, trong đó 140m² là đất công do địa phương quản lý, gia đình đã sử dụng từ năm 1995, không có tranh chấp. Địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật và không có đề nghị gì.

Tại phiên tòa bà Dương Thị Phgiữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn, phần diện tích đất 240m² bà đề nghị chia đôi cho bà và ông H1. Ông Nguyễn Trọng H1

cũng nhất trí với yêu cầu xin ly hôn của bà Phòng, về yêu cầu chia tài sản chung ông giữ nguyên ý kiến ban đầu.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng pháp luật. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đầy đủ, thủ tục hòa giải đã được tiến hành đúng pháp luật; Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 57, 58, 59, 62 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH2 vụ Quốc hội: xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Dương Thị Phòng, xử bà cho bà Dương Thị Phđược ly hôn ông Nguyễn Trọng H1; về con chung: Điều đã trưởng thành, sống tự lập nên không đặt ra xem xét vấn đề nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chia đôi diện tích đất 240m² là tài sản chung của bà Phvà ông H1 120m², bà Ph120m², chia cho mỗi người được sử dụng 1 tú gỗ, 1 təc nước và 7.500 viên gạch chỉ. Các tài sản gắn liền với đất các đương sự không yêu cầu nên không phải xem xét giải quyết và phần tài sản trên đất của ai người đó được H1; tạm giao cho bà Phđược quyền sử dụng diện tích đất lấn chiếm 140m² cho đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí và có quyền kháng cáo bản án theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nhiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ đã thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của bà Dương Thị Ph với bị đơn ông Nguyễn Trọng H1; địa chỉ: Cụm 1, xã Hiệp Thuận, Phúc Thọ, Hà Nội, nên việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền

Về quan hệ pháp luật tranh chấp là quan hệ xin ly hôn và chia tài sản chung của vợ chồng được Luật hôn nhân và gia đình điều chỉnh.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Phvà ông Nguyễn Trọng H1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ vào ngày 03/11/1992, được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung do hai vợ chồng tH2 xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng đã ly thân từ tháng 12/2018 đến nay. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên

tòa, bà Phươg quyết xin ly hôn với ông H1. Phía ông H1 chấp nhận với yêu cầu xin ly hôn của bà Phòng. Như vậy, chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của bà Phòng, ông H1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phòng, xử cho bà được ly hôn với ông H1 theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Bà Dương Thị Phvà ông Nguyễn Trọng H1 có 02 con chung là Nguyễn Trọng H3, sinh năm 1994 và Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1998, đều đã trưởng thành, sống tự lập nên HĐXX không xét.

[4]. Về tài sản chung: Xác định quá trình chung sống bà Phvà ông H1 có mua được 240m² đất tại thửa đất số 242-5, tờ bản đồ số 7 tại xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ, Hà Nội. Ngoài ra tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ tài sản và biên bản định giá tài sản ngày 17/4/2019 thì tài sản trên đất của bà Phvà ông H1 còn có các tài sản có giá trị như sau:

- 01 nhà cấp bốn mái bằng diện tích 70m² có giá 84.354.000đồng;
- Bếp và công trình phụ diện tích 30.46m² có giá 52.436.000đồng;
- Nhà kho diện tích 19.3m² có giá 10.846.000đồng;
- Bể nước thể tích 7.5m³ có giá 5.476.000đồng (xây trên đất lần chiếm).
- 02 đoạn tường bao diện tích 69m² có giá 9.260.000đồng (trong đó một đoạn phía giáp đê xây trên đất lần chiếm có chiều dài là 21.48m).
- 01 sân gạch diện tích 75m² có giá 7.323.000đồng;
- 01 giếng khơi có giá 220.000đồng;
- 02 cánh cổng sắt diện tích 4m² có giá 1.048.000đồng (xây dựng trên đất lần chiếm).
- 01 mái tôn không có khung đỡ có giá 1.100.000đồng.
- 01 m² đất đồ có giá 70.000đồng;
- 01 m² đất ở có giá 5.000.000đồng;
- 01 tủ gỗ đựng tivi có giá 4000.000đồng;
- 01 tủ gỗ để thờ có giá 2.500.000đồng;
- 02 tếc nước thể tích 1m³ có giá 600.000đồng/1 chiếc;
- 15 nghìn viên gạch chỉ có giá 16.000.000đồng
- Diện tích đất 240m² x 5.000.000đồng/1m² = 1.200.000.000 đồng.

Đối với diện tích đất 140m² bà Phkhai là tài sản riêng của bà do em bà là ông Th cho bà, ông H1 trình bày 140m² đất là của ông bà mua của ông Dương Văn Th, nhưng ông H1 không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc mua bán đất với ông Th. Phía ông Dương Văn Th khẳng định diện tích đất 140m² đất là ông Th cho riêng bà Phòng. Hội đồng xét xử xác định diện tích 140m² đất hiện đang thuộc quản lý của UBND xã Hiệp Thuận, chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng cho ai. Quá trình điều tra xác minh được Ủy ban nhân dân xã Hiệp Thuận cho biết, thửa đất 242-5, tờ bản đồ số 7 diện tích 380m² tại xã Hiệp Thuận, huyện Phúc Thọ trong đó có 240m² đất là do ông H1, bà Phmua của bà Trần Thị Nhâm ở cùng cụm dân cư, còn 140m² còn lại có nguồn gốc là đất lần chiếm cơ đê từ trước năm 1993 do ông Dương Văn Đoàn, là bố đẻ bà Dương Thị Phlân chiếm mà có. Sau khi ông Đoàn chết thì ông

Đoan cho con trai là ông Dương Văn Th quản lý. Sau đó đến khoảng năm 1994 ông Th giao cho bà Phquản lý sử dụng. Do vậy, HĐXX không có căn cứ pháp luật để xác định 140m² đất lấn chiếm này là tài sản chung của bà Phvà ông H1, nên không có căn cứ để phân chia.

Xác định tài sản chung của bà Dương Thị Phvà ông Nguyễn Trọng H1 là quyền sử dụng diện tích đất 240m², chia đôi cho bà Phvà ông H1 diện tích bằng nhau, chia cho ông H1 phần đất có một ngôi nhà cấp 4 và chia theo hiện trạng phải giữ lại ngôi nhà, nếu phần đất ông H1 được H1 nhiều hơn thì phải thanh toán giá trị chênh lệch cho bà Phòng.

Đối với diện tích đất 140m² tạm giao cho bà Phquản lý sử dụng cho đến khi có quyết định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai, tài sản xây dựng trên đất lấn chiếm thì bà được sử dụng.

Đối với 15 nghìn viên gạch chỉ, ông H1 khai là tài sản riêng, nhưng HĐXX xác định tài sản hình thành trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung của vợ chồng nên xác định là tài sản chung và giao bà Phsử dụng.

Do ông H1 đang quản lý, sử dụng nhà mái bằng, nên giao cho ông H1 được quyền sử dụng thửa đất số 242-5A, diện tích đất là 144.7m² và được sở hữu 01 nhà mái bằng diện tích 70m² có trị giá 84.354.000đồng.

Giao ông H1 được quyền sử dụng 01 tủ thờ để tiện cho việc thờ cúng.

Giao bà Phđược quyền sử dụng thửa đất số 242-5B, diện tích đất là 95.9 m² = 479.500.000 đồng; 15.000 viên gạch chỉ = 16.000.000 đồng, 01 tủ đựng ti vi = 4.000.000 đồng, 02 téc nước = 1.200.000 đồng.

Ông H1 được chia đất nhiều hơn bà Phlà 24m² nên phải thanh toán giá trị chênh lệch diện tích đất 24m² cho bà Phlà 24 x 5.000.000đồng/1m² = 120.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản bà Phđược chia là 120m² đất = 600.000.000đồng + 15.000 viên gạch + 01 tủ đựng ti vi + 02 téc nước. Tổng cộng = 621.200.000đồng.

Tổng giá trị tài sản ông H1 được chia là 120 m² đất = 600.000.000 đồng + giá trị nhà mái bằng và 01 tủ thờ. Tổng cộng = 686.854.000 đồng.

Phần ông H1 được chia giá trị ngôi nhà 84.354.000 đồng do bà Phtự nguyện không yêu cầu nên ông H1 không phải thanh toán chênh lệch tài sản là ngôi nhà cấp 4 mái bằng cho bà Phòng.

Tài sản trên phần đất của ai thì người đó được H1.

[5]. Về án phí: Bà Dương Thị Phphải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 28.848.000 đồng án phí dân sự.

Ông Nguyễn Trọng H1 phải chịu 31.474.000 đồng án phí dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, 56, 57 và 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban tH2 vụ Quốc hội:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Dương Thị Ph.

Bà Dương Thị Ph được ly hôn với ông Nguyễn Trọng H1.

2. Về con chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung:

+ Giao bà Dương Thị Ph được quyền sử dụng thửa đất số 242-5B, tờ bản đồ số 7, diện tích 95.9 m² được giới hạn bởi các điểm 2a,2b,2c,2a; cùng 15.000 viên gạch chỉ, một tủ đựng ti vi và hai téc nước.

+ Tạm giao cho bà Dương Thị Ph quản lý, sử dụng diện tích đất 140m² cùng toàn bộ tài sản xây dựng trên đất, tại thửa đất số 242-5, tờ bản đồ số 7, được giới hạn bởi các điểm 1,2,2a,2d,6a,1 cho đến khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về đất đai.

+ Giao cho ông Nguyễn Trọng H1 được quyền sử dụng thửa đất số 242-5A, tờ bản đồ số 7, diện tích 144.7m² được giới hạn bởi các điểm 3,4,5,6,6a,2d,2c,2b,3; trên đất có một nhà cấp 4 mái bằng và được sử dụng một tủ thờ.

+ Ông Nguyễn Trọng H1 phải thanh toán chênh lệch diện tích đất 24m² cho bà Ph là 120.000.000 đồng.

Tài sản và cây cối trên phần đất của ai thì người đó được H1.

(Việc chia đất có sơ đồ kèm theo).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành về phần tiền phải thanh toán, thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất 20%/năm. Nếu các bên không thỏa thuận được thì mức lãi suất chậm trả được áp dụng là 20%/năm.

4. Về án phí:

+ Bà Dương Thị Ph phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm và 28.848.000đ (*Hai mươi tám triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự, được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005555 ngày 13 tháng 02 năm 2019 và Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005588 ngày 12 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, tổng của hai biên lai là 23.300.000đ (*Hai mươi ba triệu ba trăm nghìn đồng*). Bà Ph còn phải nộp tiếp 5.848.000đ (*Năm triệu tám trăm bốn mươi tám nghìn đồng*) án phí dân sự.

+ Ông Nguyễn Trọng H1 phải chịu 31.474.000đ (*Ba mươi một triệu bốn trăm bảy mươi tư nghìn đồng*) đồng án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Tú

